

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2022

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 127/2022/HNST ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXX ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định Hoàn phiên tòa số 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng B, sinh năm 1957; Địa chỉ: số... đường N, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959; Địa chỉ: số... đường N, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 02 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa, ông Nguyễn Đăng B trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị K tự nguyện tìm hiểu, thấy phù hợp đã tổ chức lễ cưới, chung sống không có đăng ký kết hôn từ năm 1979. Ông và bà K chung sống hạnh phúc từ năm 1979 đến năm 1991 sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn tới vợ chồng không còn sự tin tưởng, tôn trọng dành cho nhau, cả hai đã không thể tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xúc phạm nhau. Bà K còn bịa chuyện, đặt điều nói xấu ông với người quen của hai vợ chồng và các con dẫn tới các con không còn sự tôn trọng dành cho ông. Hiện tại, do cả ông và bà K đều đã lớn tuổi, ông thấy cả hai người không còn tình nghĩa vợ chồng, ông muốn ly hôn để chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà K, tránh trường hợp vợ chồng xúc phạm nhau dẫn tới hành hung và những hậu quả đáng tiếc xảy ra. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

Về con chung: Ông và bà K có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1980; Nguyễn Anh T, sinh năm: 1985 và Nguyễn Thu H, sinh năm: 1990. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà và ông B tổ chức đám cưới tại Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh năm 1979. Vợ chồng chung sống từ đó đến nay, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên bà đã làm lạc mất Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, không còn giữ để cung cấp cho Tòa án. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có những lúc xô xát, cãi vã lẫn bạo lực nhưng bà đều bỏ qua vì các con. Tuy nhiên, đến năm 2022, ông B bán hàng đa cấp nên tính khí thay đổi, đòi ra ăn riêng, ở riêng. Bà không đồng ý nhưng ông B vẫn tự ý qua nhà tạm bên cạnh ở riêng, không sinh hoạt chung với mẹ con bà nữa.

Bà xác định không còn chút tình nghĩa nào với ông B, tình cảm hai vợ chồng không thể hàn gắn do ông B lừa dối bà về tài sản, tình cảm nên thực tế vợ chồng không ở chung, không còn chăm lo cho nhau từ lâu. Tuy nhiên, vì còn thể diện với các con và phần tài sản chưa giải quyết xong nên bà không đồng ý ly hôn với ông B, khi nào giải quyết xong tài sản bà mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông B 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1980; Nguyễn Anh T, sinh năm: 1985 và Nguyễn Thu H, sinh năm: 1990. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Bà và ông B có tài sản chung gồm:

- Thửa đất số 181, tờ bản đồ số 16, diện tích đất 345m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 957620 do UBND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 25-7-2006, đứng tên Nguyễn Đăng B, Nguyễn Thị K.

- Thửa đất hiện nay vợ chồng bà đang sinh sống tại số.... đường N, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 02 có diện tích 440m² (đất đã được UBND Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo và UBND phường 09 Đặc khu Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận) và được UBND thành phố Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Do thửa đất này thuộc quy hoạch nên chưa làm được giấy tờ, chưa giải quyết được. Bà muốn ông B chia cho bà và các con được 04 phần, ông B 01 phần, đồng thời yêu cầu ông B phải trả cho bà thửa đất ở quê Bắc Ninh (Thửa đất số 181, tờ bản đồ số 16).

Hiện nay, tất cả các loại giấy tờ nhà đất liên quan đến 02 thửa đất trên ông B đang giữ, bà không giữ nên không làm đơn yêu cầu giải quyết tại vụ án này và bà chỉ đồng ý ly hôn sau khi vợ chồng đã giải quyết xong vấn đề tài sản hợp pháp.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Đăng B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của bà K và ông B là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông B và bà K đều xác nhận đã không còn tình nghĩa vợ chồng và đều xác định không muốn tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung; Nợ chung: Các đương sự không có đơn yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Đăng B yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị K thường trú tại Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà K, tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ hai bà K vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà K.

[2]. *Về nội dung:*

Ông Nguyễn Đăng B và bà Nguyễn Thị K tự nguyện tìm hiểu, chung sống có tổ chức lễ cưới từ năm 1979 nên là vợ chồng theo quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001.

Theo xác minh tại địa phương nơi bà K và ông B chung sống thì được cung cấp thông tin do ông B và bà K có mâu thuẫn, trước đây ông B bà K ở chung nhưng thời gian gần đây vợ chồng ở riêng, ông B thỉnh thoảng ra miền bắc một thời gian rồi quay vào Vũng Tàu.

Xét về mâu thuẫn hôn nhân giữa ông B và bà K thì thấy: Cả bà K và ông B đều xác nhận hai người không còn tình nghĩa vợ chồng, cả hai người không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, vợ chồng đã không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, thường xuyên xúc phạm thậm chí cư xử bạo lực đối với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 19; Điều 21, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của ông B hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận. Bà K không đồng ý ly hôn với lý do ông B chưa giải quyết vấn đề tài sản chung là không có căn cứ.

[2.2]. *Về con chung:* Đã trưởng thành, không xem xét, giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà K không yêu cầu Tòa giải quyết; ông B không thể hiện ý kiến về việc yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung.

[3]. *Về án phí:* Ông Nguyễn Đăng B là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 275 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 19; Điều 21; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng B ly hôn bà Nguyễn Thị K
2. Về con chung: Đã trưởng thành, không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Nguyễn Đăng B.
5. Về quyền kháng cáo: Ông B có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà K vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm